NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: **Khóa tuyển sinh 2013**

Ngành: **Kế toán**

Trình độ: **Đại học**

Số TC tích lũy: **122**

STT	Mã HP	BB	Tên Học phần	Số TC	TC tích lũy	TS	LT	TH	TT	TL	DA	LV	HK	ĐK tiên quyết *(đã tích lũy hoặc học trước)*
1. Kiến thức giáo dục đại cương														
1.01. Ngoại ngữ														
19	MCA022	X	Tiếng Anh 1	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK02	
20	MCA023	X	Tiếng Anh 2	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK03	[MCA022]Tiếng Anh 1
21	MCA024	X	Tiếng Anh 3	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK04	[MCA023]Tiếng Anh 2
1.02. Tin học *(không tích lũy)*														
4	MCA030	X	Tin học căn bản	3	0	60	30	30	0	0	0	0		
1.03. Kỹ năng cá nhân (không tích lũy)														
18	MCA031	X	Kỹ năng mềm	4	0	60	60	0	0	0	0	0		
1.04. Khối kiến thức KHXH, KHTN														
8	MCA002	X	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK03	
9	MCA018	X	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	5	5	75	75	0	0	0	0	0	HK01	
10	MCA019	X	Pháp luật đại cương	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK01	
11	MCA028	X	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30	30	0	0	0	0	0	HK02	
1.05. Tự chọn Kiến thức KHXH, KHTN *(Sinh viên chọn 03 trong 06 học phần dưới đây)*														
12	MCA001		Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	9	45	45	0	0	0	0	0	HK02, HK03	
13	MCA014		Logic học	3		45	45	0	0	0	0	0		
14	MCA015		Lý thuyết xác suất thống kê	3		45	45	0	0	0	0	0		
15	MCA016		Môi trường và con người	3		45	45	0	0	0	0	0		
16	MCA020		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		45	45	0	0	0	0	0		
17	MCA025		Tiếng Việt thực hành	3		45	45	0	0	0	0	0		
1.06. Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất *(không tích lũy)*														
1	MCA003	X	Giáo dục quốc phòng 1	3	0	30	30	0	0	0	0	0	HK01	
2	MCA004	X	Giáo dục quốc phòng 2	3		30	30	0	0	0	0	0	HK01	
3	MCA005	X	Giáo dục quốc phòng 3	3		30	30	0	0	0	0	0	HK01	
4	MCA006	X	Giáo dục quốc phòng 4	2		30	30	0	0	0	0	0	HK01	
5	MCA007	X	Giáo dục thể chất 1	1		15	15	0	0	0	0	0	HK01	
6	MCA008	X	Giáo dục thể chất 2	2		30	30	0	0	0	0	0	HK02	
7	MCA009	X	Giáo dục thể chất 3	2		30	30	0	0	0	0	0	HK03	

STT	Mã HP	BB	Tên Học phần	Số TC	TC tích lũy	TS	LT	TH	TT	TL	DA	LV	HK	ĐK tiên quyết *(đã tích lũy hoặc học trước)*
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp														
2.01. Kiến thức cơ sở ngành														
39	1A04043	X	Lý thuyết tài chính – tiền tệ	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK02	[MCA011]Kinh tế vi mô
40	1A04044	X	Marketing căn bản	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK02	
41	1A05016	X	Nguyên lý kế toán	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK03	
42	2A54018	X	Quản trị học	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK01	
43	MCA011	X	Kinh tế vi mô	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK01	
44	MCA012	X	Kinh tế vĩ mô	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK02	[MCA011]Kinh tế vi mô
Tự chọn Kiến thức cơ sở ngành *(Sinh viên chọn 01 trong 03 học phần dưới đây)*														
45	1A05001		Đạo đức trong kinh doanh	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK04	
46	MCA021		Tâm lý học đại cương	3		45	45	0	0	0	0	0	HK04	
47	MCA029		Xã hội học đại cương	3		36	36	0	0	0	0	0	HK04	
2.02. Kiến thức ngành														
2.02.01.Kiến thức chung của ngành (kiến thức lõi)														
18	1A01061	X	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK05	
19	1A01062	X	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK06	[1A01061]Tiếng Anh chuyên ngành 1
20	1A03004	X	Kế toán quản trị	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK05	
21	1A03032	X	Thuế	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK04	
22	1A04039	X	Kế toán trên Excel	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK06	
2.02.02.Kiến thức chuyên sâu của ngành														
23	1A04029	X	Đối chiếu kế toán quốc tế	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK08	
24	1A04031	X	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK07	
25	1A04032	X	Kế toán chi phí	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK07	
26	1A04033	X	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	3	60	30	30	0	0	0	0	HK07	
27	1A04036	X	Kế toán tài chính 1	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK04	[1A05016]Nguyên lý kế toán
28	1A04037	X	Kế toán tài chính 2	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK05	[1A04036]Kế toán tài chính 1
29	1A04038	X	Kế toán tài chính 3	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK06	[1A04037]Kế toán tài chính 2
30	1A04041	X	Kiểm toán 1	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK05	Học trước môn kiểm toán 2
31	1A04042	X	Kiểm toán 2	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK06	
32	1A04049	X	Quản trị tài chính	3	3	60	30	30	0	0	0	0	HK06	[1A04041]Kiểm toán 1
33	1A04052	X	Thực hành phần mềm kế toán	3	3	75	15	60	0	0	0	0	HK07	[1A04039]Kế toán trên Excel
34	1A04053	X	Thực hành sổ sách kế toán	3	3	75	15	60	0	0	0	0	HK05	[1A04039]Kế toán trên Excel
35	1A05005	X	Kế toán ngân hàng	3	3	45	45	0	0	0	0	0	HK08	
Tự chọn Kiến thức chuyên sâu của ngành *(Sinh viên chọn 02 trong 03 học phần dưới đây)*														
36	1A04045		Nghiệp vụ ngân hàng	3		45	45	0	0	0	0	0	HK06	

STT	Mã HP	BB	Tên Học phần	Số TC	TC tích lũy	TS	LT	TH	TT	TL	DA	LV	HK	ĐK tiên quyết *(đã tích lũy hoặc học trước)*
37	1A04051		Thị trường chứng khoán	3	6	45	45	0	0	0	0	0	HK06	
38	1A05028		Thanh toán quốc tế	3		45	45	0	0	0	0	0	HK06	
2.03. Kiến thức tốt nghiệp														
48	1A09019	X	Thực tập tốt nghiệp	2	2	30	30	0	0	0	0	0	HK08	
Tự chọn tốt nghiệp *(sinh viên chọn học các học phần thay thế hoặc làm Khóa luận án tốt nghiệp)*														
49	1A04030		Hệ thống thông tin kế toán (nâng cao)	4	8	60	60	0	0	0	0	0	HK08	
50	1A04047		Phân tích báo cáo tài chính	4		60	60	0	0	0	0	0	HK08	
51	1A10011		Khóa luận tốt nghiệp	8		120	120	0	0	0	0	0	HK08	

Ghi chú chữ viết tắt:

BB: Bắt buộc; TC: Tín chỉ; TS: Tổng số; LT: Lý thuyết; HP: Học phần; KHTN: Khoa học tự nhiên; ĐK: Điều kiện
KHXH: Khoa học xã hội; TH: Thực hành; TT: Thực tập; TL: Tiểu luận; ĐA: Đồ án; LV: Luận văn; HK: Học kỳ

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐT

(đã ký)

TS. Đoàn Hữu Hải

Nơi Nhận:
- BGH;
- Các Phòng, Khoa, Trung Tâm;
- Đăng tải website;
- Lưu: Văn Thư, QLĐT